

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – ĐỀ SỐ 4

MÔN: SINH HỌC – LỚP 12

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa Sinh học 12.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh 12.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của học kì II – chương trình Sinh 12.

Câu 1. Có các loại môi trường phổ biến là:

- A. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường sinh vật.
- B. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường bên trong.
- C. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường ngoài.
- D. môi trường đất, môi trường nước ngọt, môi trường nước mặn và môi trường trên cạn.

Câu 2. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về quá trình hình thành loài

- I. Hình thành loài bằng con đường cách ly sinh thái xảy ra với những loài có cùng khu vực địa lí.
- II. Hình thành loài bằng con đường địa lý không gặp ở những loài ít hoặc không có khả năng di chuyển
- III. Hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa xảy ra nhanh và ít gặp ở động vật
- IV. Hình thành loài bằng con đường cách ly tập tính chỉ gặp ở động vật mà không gặp ở thực vật

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là **không** đúng khi nói về diễn thế sinh thái?

- I. Diễn thế thứ sinh xảy ra ở môi trường mà trước đó chưa có một quần xã sinh vật nào.
- II. Diễn thế nguyên sinh xảy ra ở môi trường đã có một quần xã sinh vật nhất định.
- III. Trong diễn thế sinh thái, các quần xã sinh vật biến đổi tuần tự thay thế lẫn nhau.
- IV. Trong diễn thế sinh thái, sự biến đổi của quần xã diễn ra độc lập với sự biến đổi của điều kiện ngoại cảnh.

- A. 1 B. 3 C. 2 D. 4

Câu 4. Cho các mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật:

- (1) Cây phong lan và cây thân gỗ;
- (2) Chim mỏ đỏ và linh dương;
- (3) Cá ép và cá lớn;
- (4) Cây tầm gửi và cây cây gỗ;
- (5) Cây nắp ấm và ruồi, muỗi;
- (6) Hải quỳ và cua.

Có bao nhiêu mối quan hệ hỗ trợ khác loài?

- A. 1 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 5. Trong các nhân tố tiến hoá, nhân tố làm thay đổi tần số alen của quần thể chậm nhất là

- A. Di – nhập gen B. Giao phối. C. Chọn lọc tự nhiên D. Đột biến.

Câu 6. Xét các nhân tố: mức độ sinh sản (B), mức độ tử vong (D), mức độ xuất cư (E) và mức độ nhập cư (I) của một quần thể. Trong trường hợp nào sau đây thì kích thước của quần thể tăng lên?

- A. $B + I > D + E$. B. $B + I < D + E$. C. $B + I = D + E$. D. $B = D, I < E$.

Câu 7. Khi nói về quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Chỉ gặp ở các loài động, thực vật có khả năng phát tán mạnh.
- B. Thường diễn ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp
- C. Không chịu sự tác động của chọn lọc tự nhiên.
- D. Cách li địa lí là nhân tố trực tiếp tạo ra các alen mới làm phân hóa vốn gen của các quần thể bị chia cắt.

Câu 8. Cho các ví dụ sau:

- I. Một số loài cá sống ở các vùng khe chật hẹp dưới đáy biển có hiện tượng cá đực tiêu giảm kích thước kí sinh trên cá cái.
- II. Cá mập con mới nở sử dụng các trứng chưa nở làm thức ăn.
- III. Lúa và cỏ dại cạnh tranh giành nước và muối khoáng.
- IV. Các con sư tử đực đánh nhau để bảo vệ lãnh thổ.
- V. Tảo giáp nở hoa gây độc cho các loài tôm, cá.

Có bao nhiêu ví dụ thể hiện mối quan hệ cạnh tranh cùng loài?

- A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

A. tỉ lệ giới tính là đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể trong điều kiện môi trường thay đổi.

B. tỉ lệ giới tính có thể thay đổi tùy vào loài, từng thời gian và điều kiện sống . . . của quần thể.

C. tỉ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể. Tỉ lệ giới tính thường xấp xỉ 1/1.

D. nhìn vào tỉ lệ giới tính ta có thể dự đoán được thời gian tồn tại, khả năng thích nghi và phát triển của một quần thể

Câu 21. Phát biểu nào sau đây đúng về kích thước của quần thể sinh vật?

A. Các quần thể sinh vật cùng loài luôn có kích thước giống nhau và không đổi theo thời gian.

B. Kích thước của quần thể sinh vật là khoảng không gian cần thiết để quần thể sinh vật tồn tại.

C. Nếu kích thước của quần thể sinh vật giảm xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể dễ bị diệt vong.

D. Kích thước của quần thể sinh vật không phụ thuộc vào mức độ xuất cư và nhập cư của quần thể.

Câu 22. Giai đoạn hình thành nên các tế bào sơ khai và sau đó là hình thành nên các tế bào sống đầu tiên được gọi là:

A. Tiến hóa hữu cơ

B. Tiến hóa hóa học

C. Tiến hóa sinh học

D. Tiến hóa tiền sinh học

Câu 23. Khi nói về vai trò của cách li địa lí trong quá trình hình thành loài mới, có bao nhiêu phát biểu sau đây là **không đúng** ?

(1) Cách li địa lí là những trở ngại về mặt địa lí như sông, núi, biển.... ngăn cản các cá thể của quần thể cùng loài gặp gỡ và giao phối với nhau.

(2) Cách li địa lí trong một thời gian dài sẽ dẫn đến cách li sinh sản và hình thành loài mới.

(3) Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.

(4) Cách li địa lí có thể xảy ra đối với loài có khả năng di cư, phát tán và những loài ít di cư.

A. 1

B. 2

C. 4

D. 3

Câu 24. Số lượng cá thể của 1 loài có thể tăng hoặc giảm do sự thay đổi của các nhân tố vô sinh và hữu sinh của môi trường được gọi là hiện tượng gì?

- A. Phân bố cá thể
B. Tăng trưởng của quần thể
C. Biến động số lượng cá thể
D. Kích thước của quần thể

Câu 25. Điều nào sau đây sai khi nói về quần xã sinh vật?

- A. Quan hệ dinh dưỡng của các nhóm loài, các cá thể trong quần xã được chia ra thành các nhóm : nhóm sinh vật sản xuất, nhóm sinh vật tiêu thụ và nhóm sinh vật phân giải
B. Thành phần loài trong quần xã biểu thị qua số lượng loài, số lượng cá thể của mỗi loài; loài ưu thế, loài đặc trưng
C. Sự phân bố cá thể trong không gian của quần xã theo chiều thẳng đứng và theo chiều ngang
D. Quan hệ sinh thái giữa các loài gồm có hỗ trợ và cạnh tranh

Câu 26. Về sự hình thành loài theo phương thức lai xa và đa bội hoá, nhận định nào sau đây là sai?

- A. Sự hình thành loài bằng lai xa và đa bội hóa diễn ra trong một khu vực địa lí.
B. Phương thức này thường gặp chủ yếu ở thực vật, ít gặp ở động vật.
C. Quá trình này diễn ra chậm vì chịu sự tác động của chọn lọc tự nhiên.
D. Thế song nhị bội được hình thành là kết quả của lai xa kết hợp đa bội hoá.

Câu 27. Trong các đặc trưng sau, đặc trưng chỉ có ở quần xã sinh vật mà không có ở quần thể sinh vật là

- A. tỉ lệ giới tính
B. thành phần loài.
C. mật độ cá thể.
D. nhóm tuổi.

Câu 28. Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là:

- A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.
C. duy trì mật độ hợp lí của các cá thể trong quần thể.
D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

Câu 29. Quan hệ hỗ trợ trong quần thể là

- A. mối quan hệ giữa các cá thể sinh vật trong một vùng hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.
B. mối quan hệ giữa các cá thể sinh vật giúp nhau trong các hoạt động sống.
C. mối quan hệ giữa các cá thể cùng loài hỗ trợ nhau trong việc di cư do mùa thay đổi.

D. mối quan hệ giữa các cá thể cùng loài hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.

Câu 30. Đặc trưng của diễn thế thứ sinh?

A. Có sự biến đổi tuần tự của quần xã qua các giai đoạn khác nhau

B. Sự biến đổi về điều kiện tự nhiên

C. Khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật

D. Xuất hiện ở môi trường đã có một quần xã sinh vật từng sinh sống

----- Hết -----



1. A	2. C	3. B	4. B	5. D
6. A	7. B	8. B	9. D	10. B
11. A	12. B	13. C	14. B	15. D
16. A	17. D	18. C	19. C	20. D
21. C	22. D	23. A	24. C	25. D
26. C	27. B	28. A	29. D	30. D

Câu 1

Có các loại môi trường phổ biến là: môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường sinh vật.

Chọn A**Câu 2**

Các phát biểu đúng là I, III, IV

II sai, hình thành loài bằng con đường địa lý thường xảy ra ở những loài có khả năng phát tán mạnh

Chọn C**Câu 3**

Các phát biểu sai về diễn thế sinh thái là: I, II, IV

I sai vì diễn thế thứ sinh xảy ra ở môi trường mà trước đó đã có sinh vật,

II sai vì diễn thế nguyên sinh xảy ra ở môi trường chưa có sinh vật.

IV sai vì sự biến đổi của quần xã gắn liền với sự biến đổi của điều kiện ngoại cảnh.

Chọn B**Câu 4**

Các mối quan hệ hỗ trợ khác loài là: 1, 2, 3, 6

Chọn B**Câu 5**

Đột biến là nhân tố làm thay đổi tần số alen của quần thể chậm nhất, có thể coi như không đáng kể.

Chọn D

Câu 6

Trong trường hợp $B + I > D + E$ thì kích thước quần thể sẽ tăng.

B, D : kích thước quần thể giảm

C kích thước quần thể không đổi.

Chọn A

Câu 7

Phát biểu đúng về hình thành loài khác khu vực địa lí là B.

A sai, thường gặp ở các loài động vật có khả năng phát tán mạnh.

C sai, có chịu tác động của các nhân tố tiến hóa (có CLTN)

D sai, cách li địa lý chỉ duy trì sự khác biệt về vốn gen được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.

Chọn B

Câu 8

Các ví dụ về cạnh tranh cùng loài là: I, II, IV

III và V là cạnh tranh khác loài.

Chọn B

Câu 9

Hình thành loài bằng con đường địa lý thường gặp ở các loài động vật có khả năng phát tán mạnh

Chọn D

Câu 10

Đây là mối quan hệ kí sinh – vật chủ.

Chọn B

Câu 11

Cách ly trước hợp tử bao gồm 1,2,4,5

Chọn A

Câu 12

Dấu hiệu chủ yếu để kết luận 2 cá thể chắc chắn thuộc 2 loài sinh học khác nhau là chúng cách li sinh sản với nhau.

Chọn B

Câu 13

Quan hệ từ gần đến xa với người là: tinh tinh → gôri-la → vượn → khỉ sóc

Chọn C

Câu 14

Sự phân hóa tạo diễn ra ở kỉ Cambri.

Chọn B

Câu 15

Mật độ của quần thể là tỷ lệ cá thể trên/ đơn vị diện tích = Tổng số cá thể/ diện tích môi trường.

Chọn D

Câu 16

Cả 4 phát biểu trên đều đúng.

Chọn A

Câu 17

Phần lớn quần thể sinh vật trong tự nhiên tăng trưởng theo dạng đường cong chữ S vì điều kiện môi trường bị giới hạn.

Chọn D

Câu 18

I đúng, số lượng thỏ luôn lớn hơn số lượng mèo rừng.

II sai, năm 1865 kích thước quần thể của thỏ và mèo rừng không đồng thời đạt cực đại.

III đúng, biến động theo chu kỳ nhiều năm.

IV sai, sự tăng trưởng của quần thể thỏ và mèo rừng có những thời điểm nghịch nhau.

Chọn C

Câu 19

Tuổi sinh lý là thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể trong quần thể

Chọn C

Câu 20

Phát biểu sai về tỷ lệ giới tính là D

Chọn D

Câu 21

Phát biểu đúng về kích thước quần thể là C.

A sai, kích thước của các quần thể khác nhau là khác nhau.

B sai, kích thước của quần thể là số lượng cá thể (hoặc khối lượng hoặc năng lượng tích lũy).

D sai, kích thước của quần thể phụ thuộc vào mức độ xuất cư và nhập cư, tỉ lệ sinh, tử vong.

Chọn C

Câu 22

Giai đoạn hình thành nên các tế bào sơ khai và sau đó là hình thành nên các tế bào sống đầu tiên được gọi là tiến hóa tiền sinh học.

Chọn D

Câu 23

Các phát biểu **không đúng** là: (2)

Ý (2) **sai** vì cách ly địa lý không dẫn đến cách ly sinh sản

Chọn A

Câu 24

Số lượng cá thể của 1 loài có thể tăng hoặc giảm do sự thay đổi của các nhân tố vô sinh và hữu sinh của môi trường được gọi là biến động số lượng cá thể.

Chọn C

Câu 25

Phát biểu sai về quần xã sinh vật là: D, quan hệ sinh thái được chia thành 2 nhóm là hỗ trợ và đối kháng.

(Cạnh tranh là mối quan hệ thuộc nhóm đối kháng)

Chọn D

Câu 26

Phát biểu sai về hình thành loài bằng lai xa và đa bội hoá là C, quá trình này diễn ra nhanh chóng

Chọn C

Câu 27

Đặc trưng thành phần loài là đặc trưng của quần xã sinh vật.

Chọn B

Câu 28

Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là: làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

Chọn A

Câu 29

Quan hệ hỗ trợ trong quần thể là mối quan hệ giữa các cá thể cùng loài hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.

Chọn D

Câu 30

Đặc trưng của diễn thế thứ sinh là xuất hiện ở môi trường đã có một quần xã sinh vật từng sinh sống

Chọn D